

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017; Thụ lý theo yêu cầu độc lập ngày 12 tháng 6 năm 2017; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 23/2017/QĐ – GHXX ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị Minh N – Sinh năm 1985.

Bị đơn: Anh Mai Thành T – Sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Kim T - sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền : Nguyễn Thị Bạch Y ; Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện H. Theo quyết định số 510/QĐ – HĐTV – PC ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thụy Dương H – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Agribank chi nhánh H đại diện theo ủy quyền. Theo Quyết định ủy quyền số 98/QĐ/NHNo – BTh – HTB ngày 18/4/2017.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Khoản 2 Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị Minh N và anh Mai Thành T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Lương Thị Minh N được quyền tiếp tục nuôi hai con tên Mai Bảo K – Sinh ngày 03/01/2013 và Mai Vĩnh K - sinh ngày 05/01/2016.

Anh Mai Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng/con, tổng cộng hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con Mai Bảo K và Mai Vĩnh K đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm nộp theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

+ *Theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật;*

+ *Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.*

Anh T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

- **Về tài sản và nợ chung:** Chị Lương Thị Minh N được quyền tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ số tài sản của vợ chồng gồm:

- Một nhà tạm lợp ngói diện tích 143,80m² có giá 230.080.000đ, 01 tường rào xây gạch dài 16,80m² có giá 13.440.000đ, 01 mái che tôn diện tích 81,04m² có giá 8.104.000đ, 01 nhà cấp 4B diện tích 25,40m² có giá 73.152.000đ, 01 nhà vệ sinh diện tích 3,10m² có giá 4.991.000đ, 05 cây xanh có giá 900.000đ (180.000đ/cây), 01 cây Lộc Vừng có giá 180.000đ, 01 cây Sộp có giá 120.000đ, 08 bộ bàn ghế đá hoa cương 6.400.000đ (800.000đ/bộ), 06 bộ bàn ghế gỗ 9.000.000đ (1.500.000đ/bộ), 01 mặt đá quỳ bar có giá 1.500.000đ, 08 cây quạt điện có giá 320.000đ (40.000đ/cái), 01 máy điều hòa panasonic có giá 4.000.000đ, 01 bảng nhựa đèn led có giá 1.250.000đ, 01 bảng hiệu ghi chữ cà phê Moon có giá 2.800.000đ. Tổng giá trị các tài sản có trên đất là 356.237.000đ. Số tiền đưa cho

mẹ chị là bà Trần Thị Kim T số tiền 57.579.400đ. Tổng cộng là 413.816.400đ (Bốn trăm mười ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn bốn trăm đồng).

Toàn bộ số tài sản trên có trên diện tích đất 311,3m²(147,3m² +164m²) thuộc hai thửa đất: Thửa đất số 334, diện tích 147,3m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 743521 ngày 22/4/2014 và thửa đất số 31 diện tích 292m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC576590 ngày 06/4/2016 cấp đứng tên Trần Thị Kim T. Có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp đất bà Trần Thị Kim T; Nam giáp đất bà Trần Thị Kim T; Bắc giáp đất nghĩa trang (Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 04/7/2017 kèm theo).

Chị Lương Thị Minh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh H số tiền vốn gốc 36.400.000đ và lãi tính đến ngày 04/7/2017 là 3.500.000đ. Tổng cộng là 39.900.000đ (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) cùng với lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số: 4810LAV201609640 cho đến khi trả hết nợ.

Chị Lương Thị Minh N có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Mai Thành T số tiền là 143.258.200đ (Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Anh Mai Thành T được nhận tiền chênh lệch chia tài sản do chị Lương Thị Minh N hoàn trả số tiền là 143.258.200đ (Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Bà Trần Thị Kim T được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác về số diện tích đất xây dựng nhà và quán cà phê đối với chị Lương Thị Minh N.

Đối với số tiền nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bình Thuận số tiền 87.400.000đ (Tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết và chị N, anh T thống nhất thỏa thuận để chị N tiếp tục thực hiện hợp đồng này, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật;

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.

- Về án phí: Chị Lương Thị Minh N tự nguyện thỏa thuận chịu 75.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.671.455đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là

5.746.455đ. Do chị N đã nộp là 2.800.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011780 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân huyện Hàm Thuận Bắc. Còn lại là 2.946.455đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng) chị N phải tiếp tục nộp.

Anh Mai Thành T tự nguyện thỏa thuận chịu 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 5.671.455đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 5.896.450đ (Năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H 1.070.825đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0014394 ngày 12/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bà Trần Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Lương Thị Minh N phải chịu 929.500đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 600.000đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng 1.529.500đ. Chị N đã nộp 3.059.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, còn lại số tiền 1.529.500đ đồng do anh Mai Thành T hoàn trả cho chị N.

Anh Mai Thành T phải chịu 929.500đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 600.000đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng 1.529.500đ đồng để hoàn trả cho chị N.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H và bà Trần Thị Kim T không phải chịu chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện HTB;
- UBND xã/ thị trấn;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Bạch Tuyết